TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị D
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Trần Thị Bích L;
2/ Bà Phạm Kim T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Bảo T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/04/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1081/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1190/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1986
Địa chỉ: thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thanh T – sinh năm 1981
Địa chỉ: thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 03 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và Ông Trần Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số xxx, quyển số xx/20xx do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/10/20xx.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cách sống của hai bên không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung. Bà T cũng đã cố gắng hàn gắn, hòa giải những mâu thuẫn giữa bà T và ông T nhưng không thành. Tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mỗi người

có cuộc sống riêng, không quan tâm lẫn nhau, mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân.

Nay, Bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn Ông Trần Thanh T.

Về con chung: Giữa bà T và ông T có 02 con chung tên là Trần Thái B – sinh ngày xx/xx/2010 và Trần Bảo V – sinh ngày xx/xx/2014. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Ông Trần Thanh T là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì quan hệ tranh chấp giữa Bà Nguyễn Thị T và Ông Trần Thanh T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T có địa chỉ cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa để ông T tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn Ông Trần Thanh Trung.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số xx/20xx do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/10/20xx thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Như vậy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Trên thực tế hôn nhân giữa bà T và ông T đã không còn hòa hợp và phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn sự gắn kết, chia sẽ.

Mặc dù theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương thì địa phương không giải quyết mâu thuẫn giữa bà T và ông T nhưng từ khi vụ án được thụ lý giải quyết, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong cuộc sống vợ chồng cũng như trình bày ý kiến của mình nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt, việc ông T không có mặt tại Tòa án để làm việc chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn, xây dựng tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không T hể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T với ông T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông T có 02 con chung tên là Trần Thái B – sinh ngày xx/xx/2010 và Trần Bảo V – sinh ngày xx/xx/2014. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào Bản sao trích lục khai sinh số xxx/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 27/7/2016 và Bản sao Giấy khai sinh số xxx/2014 quyển số 02/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/9/2014 thì có đủ cơ sở xác định giữa bà T và ông T có 02 con chung tên là Trần Thái B – sinh ngày xx/xx/2010 và Trần Bảo V– sinh ngày xx/xx/2014. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận nguyện vọng thì trẻ Thái B và trẻ Bảo V có nguyện vọng ở với mẹ, đồng thời, trong quá trình giải quyết, ông T cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Như vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống hằng ngày cũng như đảm bảo sự ổn định trong việc học tập, phát triển tâm sinh lý của trẻ nên việc giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà T có nghĩa vụ phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19; 51; 56, 57, 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn Ông Trần Thanh T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên là Trần Thái B – sinh ngày xx/xx/2010 và Trần Bảo V – sinh ngày xx/xx/2014 cho Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi Ông Trần Thanh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/xxxxxxx ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Bà T đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị D

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên